

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 12-3-2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm;

- Bị đơn: Anh Nguyễn T, sinh năm

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều: 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08-4-2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08-4-2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn T thoả thuận thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn T có 03 con chung tên: Nguyễn T1, sinh ngày, Nguyễn T2, sinh ngày ... và Nguyễn T3, sinh ngày

Khi ly hôn các bên đương sự thoả thuận:

+ Giao cả 03 con chung (các cháu: Nguyễn T1, Nguyễn T2 và Nguyễn T3) cho chị Trần Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và tự lập được;

+ Anh Nguyễn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều: 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình.

2.3. *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chị Trần Thị M và anh Nguyễn T, mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Trần Thị M tự nguyện nộp thay toàn bộ án phí cho anh Nguyễn T. Như vậy, tổng số tiền án phí chị Trần Thị M phải nộp là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào khoản tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Trần Thị M đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số: 0001189, ngày 12-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy. Hoàn trả cho chị Trần Thị M số tiền đã nộp tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND t. Kon Tum;
- VKSND h. Sa Thầy;
- Chi cục THADS h. Sa Thầy;
- UBND x. Sa Nhơn, h. Sa Thầy;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phan Trường Thọ